

ĐỀ SỐ 2

(Cho $Fe = 56$; $Na = 23$; $Ca = 40$; $Mg = 24$; $Mn = 55$; $Cu = 64$; $Al = 27$; $Zn = 65$, $S = 32$, $O = 16$; $Cl = 35,5$; $Ag = 108$; $H = 1$)

Câu 1. Trong các nhóm chất nào dưới đây, số oxi hóa của Lưu huỳnh đều là +6

- A. H_2S , H_2SO_3 , H_2SO_4
- B. K_2S , Na_2SO_3 , Na_2SO_4
- C. SO_2 , SO_3 , Ba_2SO_3
- D. H_2SO_4 , $H_2S_2O_7$, $CuSO_4$

Câu 2. Kim loại nào dưới đây bị thụ động với axit H_2SO_4 đặc nguội

- A. Cu, Fe
- B. Cr, Zn
- C. Fe, Cr
- D. Cu, Al

Câu 3. Dãy nào được xếp đúng thứ tự tính axit và tính khử tăng dần?

- A. HCl, HBr, HI, HF.
- B. HI, HBr, HCl, HF.
- C. HCl, HI, HBr, HF.
- D. HF, HCl, HBr, HI.

Câu 4. Khi phản ứng thuận nghịch ở trạng thái cân bằng thì nó:

- A. Không xảy ra nữa
- B. Vẫn tiếp tục xảy ra
- C. Chỉ xảy ra theo chiều thuận
- D. Chỉ xảy ra theo chiều nghịch

Câu 5. Sục 6,72 lít khí SO_2 (đktc) vào dung dịch Br_2 dư rồi cho dung dịch thu được phản ứng với dung dịch $BaCl_2$ dư thu được kết tủa có khối lượng

- A. 66,9 gam
- B. 23,3 gam
- C. 34,95 gam
- D. 46,6 gam

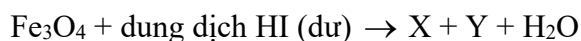
Câu 6. Sục khí ozon vào dung dịch KI có nhỏ sẵn vài giọt hồ tinh bột, hiện tượng quan sát thấy được là:

- A. Dung dịch có màu tím
- B. Dung dịch có màu vàng nhạt
- C. Dung dịch trong suốt
- D. Dung dịch có màu xanh

Câu 7. Dùng loại bình nào sau đây để đựng dung dịch HF?

- A. Bình thủy tinh màu xanh.
- B. Bình thủy tinh màu nâu.
- C. Bình thủy tinh không màu.
- D. Bình nhựa teflon (chất dẻo).

Câu 8. Cho sơ đồ chuyển hóa:



Biết X và Y là sản phẩm cuối cùng của quá trình chuyển hóa. Các chất X và Y là:

- A. Fe và I_2 .
B. FeI_3 và FeI_2 .
C. FeI_2 và I_2 .
D. FeI_3 và I_2 .

Câu 9. Hòa tan 5,6 lít SO_2 (đktc) vào 100 ml dung dịch KOH 3,5M. Dung dịch tạo thành có chứa:

- A. K_2SO_3
B. K_2SO_3 , KHSO_3
C. KHSO_3
D. K_2SO_3 , KOH dư

Câu 10. Cho 11 gam hỗn hợp Al, Fe tác dụng với dung dịch H_2SO_4 đậm đặc nóng dư thì được 10,08 lít khí SO_2 (đktc). Phần trăm khối lượng Al trong hỗn hợp ban đầu là:

- A. 38%
B. 49,1 %
C. 50,9%
D. 62%

Câu 11. Cho phản ứng: $2\text{NH}_3 + 3\text{Cl}_2 \rightarrow \text{N}_2 + 6\text{HCl}$. Trong đó Cl_2 đóng vai trò là:

- A. Chất khử.
B. Vừa là chất oxi hoá vừa là chất khử.
C. Chất oxi hoá.
D. Không phải là chất khử hoặc chất oxi hoá.

Câu 12. Trong các phản ứng sau đây, hãy chỉ ra phản ứng không đúng?

- A. $\text{H}_2\text{S} + 2\text{NaCl} \rightarrow \text{Na}_2\text{S} + 2\text{HCl}$.
B. $2\text{H}_2\text{S} + 3\text{O}_2 \rightarrow 2\text{SO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$.
C. $\text{H}_2\text{S} + \text{Pb}(\text{NO}_3)_2 \rightarrow \text{PbS} + 2\text{HNO}_3$.
D. $\text{H}_2\text{S} + 4\text{H}_2\text{O} + 4\text{Br}_2 \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4 + 8\text{HBr}$.

Câu 13. Cho FeS tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng, thu được khí A; nếu dùng dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng thì thu được khí B. Dẫn khí B vào dung dịch A thu được rắn C. Các chất A, B, C lần lượt là:

- A. H_2 , H_2S , S. B. H_2S , SO_2 , S. C. H_2 , SO_2 , S. D. O_2 , SO_2 , SO_3 .

Câu 14. Thể tích khí thu được sau phản ứng khi cho 4,8 gam đồng tác dụng với axit H_2SO_4 đặc nóng

- A. 1,68 lít B. 2,24 lít C. 3,36 lít D. 1,12 lít

Câu 15. 14,5 gam hỗn hợp Mg, Fe, Zn tác dụng vừa đủ với dung dịch H_2SO_4 loãng thấy thoát ra 6,72 lít khí H_2 (đktc). Sau phản ứng cô cạn thu được khối lượng muối khan là:

- A. 34,3 gam B. 43,3 gam C. 33,4 gam A. 33,8 gam

Câu 16. Cho 10 gam dung dịch HCl tác dụng với dung dịch AgNO_3 dư thu được 14,35 gam kết tủa. Tính nồng độ % dung dịch HCl phản ứng là:

- A. 50% B. 15% C. 35% D. 36,5%

Câu 17. Đối với các phản ứng có chất khí tham gia, khi tăng áp suất, tốc độ phản ứng tăng là do

- A. Nồng độ của các chất khí tăng lên.
B. Nồng độ của các chất khí giảm xuống.
C. Chuyển động của các chất khí tăng lên.
D. Nồng độ của các chất khí không thay đổi.

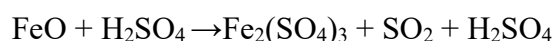
Câu 18. Hòa tan hoàn toàn 13 gam kim loại A có hóa trị II vào H_2SO_4 loãng thu được 4,48 lít H_2 (đktc). Kim loại A là:

- A. Mg B. Zn C. Cu D. Fe

Câu 19. Khi tăng thêm 10°C , tốc độ phản ứng hóa học tăng lên 3 lần. Để tốc độ phản ứng đó (đang tiến hành ở 30°C) tăng 81 lần thì cần phải tăng nhiệt độ lên đến

- A. 70°C B. 80°C C. 50°C D. 60°C

Câu 20. Tổng hệ số cân bằng trong phản ứng hóa học sau:



- A. 11 B. 12 C. 13 D. 14

Câu 21. Những phản ứng nào sau đây chứng minh tính oxi hóa của ozon mạnh hơn oxi?



- A. 1, 2. B. 2, 3. C. 2, 4. D. 3, 4.

Câu 22. Để a gam bột sắt ngoài không khí, sau một thời gian sẽ chuyển thành hỗn hợp A có khối lượng 37,6 gam gồm Fe, FeO, Fe_2O_3 , Fe_3O_4 . Cho hỗn hợp A phản ứng hết với dung dịch H_2SO_4 đặc nóng thu được 3,36 lít khí SO_2 (đktc). Giá trị a là:

- A. 11,2 gam B. 8,4 gam C. 56 gam D. 28 gam

Câu 23. Để loại bỏ SO_2 ra khỏi CO_2 có thể:

- A. Cho hỗn hợp khí qua dung dịch nước vôi trong
- B. Cho hỗn hợp khí qua dung dịch Na_2CO_3
- C. Cho hỗn hợp khí qua dung dịch nước Br_2 dư
- D. Cho hỗn hợp qua dung dịch NaOH

Câu 24. Khi cho cùng một lượng nhôm vào cốc đựng dung dịch axit HCl 0,1M, tốc độ phản ứng sẽ lớn nhất khi dùng nhôm ở dạng nào sau đây?

- A. Dạng viên nhỏ.
- B. Dạng bột mịn, khuấy đều.
- C. Dạng tấm mỏng.
- D. Dạng nhôm dây.

Câu 25. Trộn 3,42 muối sunfat của kim loại hóa III với 8 gam $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$. Cho hỗn hợp tác dụng vừa đủ với 100ml dung dịch BaCl_2 tạo thành 20,97 g kết tủa trắng. Nồng độ mol/l của dung dịch BaCl_2 và tên kim loại đó là

- A. 0,54M; Cr
- B. 0,65M; Al
- C. 0,9M; Al
- D. 0,4M; Cr

Đáp án đề kiểm tra cuối kì 2 môn Hóa học lớp 10 - Đề số 2

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
D	C	D	B	A	D	D	C	B	B	C	C	B
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
C	B	D	A	B	A	B	A	D	C	B	C	